



WEEKEND WORKSHEET 20

Exercise 1: Look at the picture. Rearrange the letters to find the word.

(Sắp xếp lại các chữ cái để tạo thành từ đúng)

s d r e s 	s o e h s 	j k e t a c 	s i r t h 
t o r u s e r s 	s i k r t 	s c k o s 	t s i h r t 

Exercise 2: Look at the pictures. Write "has got" or "hasn't got".

(Nhìn tranh. Điền "has got" hoặc "hasn't got" vào chỗ trống)

Anna (v) 	Alex (x) 	Sara (x) 	Tom (v) 
---	---	--	--

1. Anna _____ a dress.

2. Alex _____ shoes

3. Sara _____ a skirt.

4. Tom _____ trousers.

Exercise 3: Write "He" or "She". (Điền "He" hoặc "She" vào chỗ trống)

1 He 's got trousers.

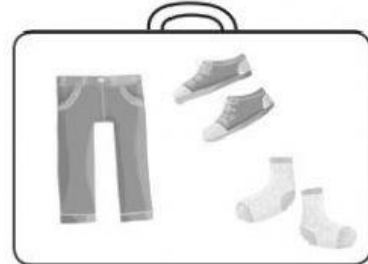
2 _____ 's got a dress.

3 _____ hasn't got a T-shirt.

4 _____ hasn't got socks.

5 _____ 's got shoes.

6 _____ hasn't got a jacket.



Exercise 4: Circle the correct word. Match. (Chọn đáp án đúng và nối)

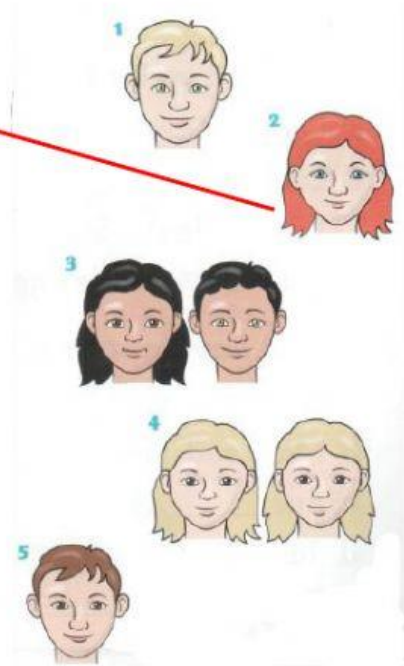
a. She 've/ 's got red hair.

b. He 've/ 's got green eyes.

c. They 've/ 's got blonde hair.

d. He 've/ 's got brown hair.

e. They 've/ 's got black hair.



Exercise 5: Reorder the words. (Sắp xếp lại các từ để tạo thành câu)

1. Tom/ got/ has/ a / hat/ big/.

→

2. She/ got/ hasn't/ shoes/ purple/.

→

3. I/ got/ have/ a/ shirt/ green/.

→